

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **226/2023/HSST**

Ngày: 11/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Quách Thị Huệ và bà Trần Thị Ngọc Quyên.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Vũ- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 196/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HS ngày 26/7/2023, đối với bị cáo:

Phạm Thị Lệ T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 25/4/1994 tại tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú: Thôn C, xã C1, huyện C2, tỉnh Quảng Trị; Nơi tạm trú: Tổ 14, phường H1, quận C3, thành phố Đà Nẵng; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Phạm Văn K, sinh năm 1965; con bà: Lê Thị T, sinh năm 1964; chồng: Nguyễn Lương D; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2015.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống với gia đình tại thôn C, xã C1, huyện C2, tỉnh Quảng Trị, học đến lớp 12/12 thì nghỉ học, hiện đang làm thuê để kiếm sống.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/3/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Lê Thị Kim C, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Số 3 kiệt 195 đường P, phường T, thành phố H, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Thôn C, xã C1, huyện C2, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Chị Trần Duy Hoàng N, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Số 157 đường V, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

3. Anh Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Số 157 đường P1, phường K, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

4. Anh Huỳnh Vĩnh T, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ 5, phường K, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Lê Hồng Q, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ 14, phường H1, quận C3, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 05/03/2023, gia đình chị Lê Thị Kim C đăng tin tìm kiếm người giúp việc thông qua mạng xã hội, Phạm Thị Lệ T thấy vậy nên đã liên lạc rồi đến ở giúp việc cho gia đình chị C trú tại nhà số 3 kiệt 195 đường P, phường T, thành phố H. Đến khoảng 15 giờ ngày 09/03/2023, khi T đi lên phòng ngủ tầng 2 nhà chị C để dọn dẹp, gấp áo quần thì T phát hiện 01 túi xách để trong thùng giấy đựng áo quần, T mở ra xem thì thấy có đô la Mỹ và vàng. Lúc này, T lục trong túi xách lấy số tiền 13.900 đô la Mỹ và 01 lắc tay bằng vàng của chị C rồi bỏ đi. Sau khi có được tài sản, T đến tiệm vàng M ở tại số 157 đường V, phường A, thành phố H gặp chị Trần Duy Hoàng N là chủ tiệm. Tại đây, T bán cho chị N 1.000 đô la Mỹ lấy số tiền 23.000.000 đồng rồi đón xe đi vào thành phố Đà Nẵng. Sau khi đến Đà Nẵng, khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T đến tiệm cầm đồ “Ngọc H” tại số 157 đường P1, phường K, quận C3, thành phố Đà Nẵng gặp anh Huỳnh Ngọc H là chủ tiệm. Tại đây, T đưa cho anh H số tiền 22.500.000 đồng để chuộc lại xe mô tô biển số 73F1-550.33 mà T cầm cố trước đó rồi bán 1.700 đô la Mỹ cho anh H được số tiền 39.780.000 đồng. Sau đó, T đến tiệm vàng “X” tại Tổ 5, phường K, Quận C3, thành phố Đà Nẵng gặp anh Huỳnh Vĩnh T rồi lần lượt bán 2.400 đô la Mỹ và 8.800 đô la Mỹ cho anh T được số tiền 56.400.000 đồng và 206.800.000 đồng. Sau đó, T đi về phòng trọ của mình tại tổ 14, phường H1, quận C3, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi phát hiện mất tài sản, chị Lê Thị Kim C đã trình báo Cơ quan công an để điều tra làm rõ xử lý theo quy định. Tại cơ quan điều tra, T đã khai nhận hành vi hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đối với chị Trần Duy Hoàng N, anh Huỳnh Vĩnh T, anh Huỳnh Ngọc H là những người mua đô la Mỹ từ bị cáo nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên hành vi của chị N, anh T, anh H không phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Vì vậy, Công an thành phố H đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với chị Trần Duy Hoàng N theo quy định.

Đối với việc anh Huỳnh Vĩnh T, anh Huỳnh Ngọc H mua đô la Mỹ của bị cáo xảy ra tại quận C3, thành phố Đà Nẵng, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã

chuyển hồ sơ liên quan đến Công an quận C3 để xử phạt hành chính đối với anh Huỳnh Vĩnh T, anh Huỳnh Ngọc H theo luật định.

- Kết luận giám định số 578/KL-KTHS ngày 06/4/2023, Phân viện Khoa học hình sự tại TP. Đà Nẵng kết luận: 01 (một) lắc tay bằng kim loại, màu vàng gồm nhiều mắt xích nối lại với nhau gửi giám định có kim loại vàng (Au); hàm lượng trung bình của kim loại vàng là 45,8%, khối lượng mẫu là 21,18gam.

- Kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 27/3/2023, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố H kết luận 13.900 Đô la Mỹ tại thời điểm ngày 09/3/2023 có tổng giá trị là 328.596.000 đồng (ba trăm hai mươi tám triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

- Kết luận định giá tài sản số 86/KL-HĐĐGTS ngày 26/4/2023, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố H kết luận 01 lắc tay bằng kim loại vàng thu giữ tại thời điểm ngày 09/3/2023 có giá trị là 13.709.955 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 302.500.000 (thu giữ từ Phạm Thị Lệ T).
- 01 (một) lắc tay bằng kim loại vàng, dạng đốt xích (thu giữ từ Phạm Thị Lệ T).

- 01 (một) túi xách bằng vải, màu hồng, kích thước (0,18 x 0,24)m, trên túi xách có ghi chữ “Aber” (thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường).

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 5.000 đồng (thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường).

- 01 (một) mảnh giấy kích thước (0,07 x 0,1)m, trên mảnh giấy có ghi chữ “Nhâm dân” (thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường).

- 01 (một) túi ni lông trong suốt, kích thước (0,11 x 0,025)m (thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường).

- 01 (một) vali, màu đen, kích thước (0,35 x 0,2 x 0,53)m, mặt ngoài có chữ “Hùng P”, đã qua sử dụng (thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, số Imei: 359472082813021, đã qua sử dụng kèm sim (thu giữ từ Phạm Thị Lệ T).

Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại các tài sản cho Lê Thị Kim C là chủ sở hữu:

- 01 (một) lắc tay bằng kim loại vàng, hàm lượng trung bình của kim loại vàng là 45,8%, khối lượng mẫu là 21,18gam;

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 302.500.000 đồng (ba trăm lẻ hai triệu năm trăm ngàn đồng).

- 01 (một) túi xách bằng vải, màu hồng, kích thước (0,18 x 0,24)m, trên túi xách có ghi chữ “Aber”.

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 5.000 đồng (năm ngàn đồng).

- 01 (một) mảnh giấy kích thước (0,07 x 0,1)m, trên mảnh giấy có ghi chữ “Nhâm dân”.
- 01 (một) túi ni lông trong suốt, kích thước (0,11 x 0,025)m.
- Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus, màu vàng, số Imei: 359472082813021 đã qua sử dụng kèm sim và 01 (một) vali, màu đen, kích thước (0,35 x 0,2 x 0,53)m, mặt ngoài có chữ “ Hùng P” đã qua sử dụng, chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố H quản lý theo chức năng, phục vụ truy tố, xét xử.

Về trách nhiệm dân sự:

Chị Lê Thị Kim C yêu cầu Phạm Thị Lệ T bồi thường lại số đô la Mỹ còn thiếu tương ứng với số tiền là 26.096.000 đồng. Hiện bà Lê Thị T là mẹ của bị cáo đã bồi thường cho chị C số tiền 5.000.000 đồng, bà T không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn lại số tiền này. Đối với số tiền còn lại là 21.096.000 đồng, bị cáo vẫn chưa bồi thường cho chị C.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Phạm Thị Lệ T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 216/CT-VKS-HS ngày 03/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định truy tố bị cáo Phạm Thị Lệ T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị Lệ T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, màu vàng, số Imei: 359472082813021 đã qua sử dụng kèm sim; 01 vali, màu đen, kích thước (0,35 x 0,2 x 0,53)m, mặt ngoài có chữ “ Hùng P” đã qua sử dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt

của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo thủ tục chung.

[2] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà hôm nay, bị cáo Phạm Thị Lệ T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 09/3/2023, tại nhà số 3 kiệt 195 đường P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Phạm Thị Lệ T đã có hành vi trộm cắp tài sản là số tiền 13.900 đô la Mỹ trị giá 328.596.000 đồng và 01 lắc tay bằng vàng trị giá 13.709.955 đồng của chị Lê Thị Kim C. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 342.305.955 đồng. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với bị cáo Phạm Thị Lệ T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 26.096.000 đồng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt: Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo nhằm mục đích hưởng lợi bất chính, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần được xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình có con nhỏ bị viêm màng não do vi rus, nhiễm trùng huyết, nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt tù với mức án phù hợp, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, sớm hòa nhập với cộng đồng, trở thành công dân tốt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, có điều kiện chăm sóc con.

[7] Đối với chị Trần Duy Hoàng N, anh Huỳnh Vĩnh T, anh Huỳnh Ngọc H là những người mua đồ la Mỹ từ bị cáo nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên hành vi của chị N, anh T, anh H không phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do đó, Công an thành phố H đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với chị Trần Duy Hoàng N là đúng quy định pháp luật.

Đối với việc anh Huỳnh Vĩnh T, anh Huỳnh Ngọc H mua đồ la Mỹ của bị cáo xảy ra tại quận C3, thành phố Đà Nẵng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã chuyển hồ sơ liên quan đến Công an quận C3, thành phố Đà Nẵng để xử phạt hành chính đối với anh Huỳnh Vĩnh T, anh Huỳnh Ngọc H là đúng quy định pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 lắc tay bằng kim loại vàng, tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 302.500.000 đồng, 01 túi xách bằng vải, màu hồng, trên túi xách có ghi chữ “Aber”, Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 5.000 đồng, 01 mảnh giấy kích thước (0,07 x 0,1)m, trên mảnh giấy có ghi chữ “Nhâm dân”, 01 túi ni lông trong suốt, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chị Lê Thị Kim C là đúng pháp luật, tại phiên tòa không có ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với điện thoại di động Iphone 7 Plus, màu vàng, số Imei: 359472082813021 đã qua sử dụng kèm sim và 01 vali, màu đen, kích thước (0,35 x 0,2 x 0,53)m, mặt ngoài có chữ “ Hùng P” đã qua sử dụng, là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo, không liên quan gì đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại là chị Lê Thị Kim C đã nhận đủ số tiền gia đình bị cáo bồi thường là 26.096.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a Khoản 3 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị Lệ T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Lệ T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 10/3/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên bố:

Trả lại cho bị cáo:

- 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, màu vàng, số Imei: 359472082813021 đã qua sử dụng kèm sim;

- 01 vali, màu đen, kích thước (0,35 x 0,2 x 0,53)m, mặt ngoài có chữ “ Hùng P” đã qua sử dụng;

(Vật chứng trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/7/2023 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Thị Lệ T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến **vụ án vắng mặt có quyền** kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV06 Công an tỉnh TTHuế;
- Công an thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- THA HS, THA DS;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế

